

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 25/2024/HS-PT
Ngày: 17- 4- 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/TLPT-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Hoàng N** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 15-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Hoàng N1**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn E** năm 1962 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1967; vợ: Nguyễn Hsinh năm 2004; con: có 01 người con sinh năm 2024; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng N2 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/9/2023, **Nguyễn Hoàng N3** Lê Trung N1xe mô tô biển số 71C2 - 722.55 do ông Lê Hồng P(cha ruột **T1** tên chủ sở hữu để làm phương tiện đi lại. Sau đó, **Nguyễn Hoàng N4** khiển xe mô tô đến khu vực Phường F, Thành phố B, tỉnh Bến Tre hỏi mua ma túy của một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch với giá 2.000.000 đồng. Sau khi đưa tiền, người phụ nữ đưa N01 túi nilong bên ngoài có quần băng keo màu đen chứa ma túy, **N5** ma túy, rồi điều khiển xe mô tô về huyện BTrên đường về, Nđừng xe lại tháo bỏ lớp băng keo thì thấy bên trong có 01 túi nilong chứa ma túy loại Ketamine và 02 túi nilong nhỏ chứa 03 viên ma túy loại MDMA, rồi dùng tay trái cầm ma túy. Đến khoảng 23 giờ 10 phút, **N4** khiển xe đến

khu vực trước cửa quán K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng phòng chống ma túy Công an huyện B với Công an thị trấn B phát hiện Nắm ma túy trên tay nên chặn xe lại và thu được trong lòng bàn tay trái của N03 túi nilong chứa ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong đồ vật tài liệu có liên quan.

Vật chứng, tài sản thu giữ, gồm:

- T1 trên người Nguyễn Hoàng N Trong lòng bàn tay trái 01 túi nilong được hàn kín ba mặt cạnh, cạnh còn lại có rãnh bấm, phía trên rãnh bấm có đường viền màu đỏ, kích thước 04cm x 07cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy và 02 túi nilong, trong đó: túi nilong thứ nhất, kích thước 03cm x 03cm có chứa 01 viên nén màu xanh không rõ hình dạng nghi là ma túy; túi nilong thứ hai kích thước 03cm x 03cm có chứa 02 viên nén màu hồng không rõ hình dạng nghi là ma túy; được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT.

- 01 xe mô tô HONDA, nhãn hiệu Vario, biển số 71C2 - 722.55; Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho chủ sở hữu bà Cù Thị C

Tại Bản kết luận giám định số 687/2023/KL-KTHS ngày 08/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilong được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 3,0203 gam;

- 01 viên nén màu xanh, hình dạng không xác định đựng trong 01 túi nilong được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,4098 gam;

- 02 viên nén màu hồng, hình dạng không xác định đựng trong 01 túi nilong được niêm phong trong phong bì ký hiệu MT gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,8163 gam.

H1 lại mẫu vật sau giám định đã được niêm phong có khối lượng, gồm: mẫu tinh thể màu trắng 2,7009 gam, mẫu viên nén màu xanh 0,3001 gam, mẫu viên nén màu hồng 0,6596 gam.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N p “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i (thuộc điểm c, g) khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N6 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 29/01/2024 bị cáo Nguyễn Hoàng N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo..

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng N** p“Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i (thuộc điểm c, g) khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng N6** năm tù là phù hợp; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm i (thuộc điểm c, g) khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng N6** năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình, vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Do nghiện ma túy và để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo **Nguyễn Hoàng N7** có hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 3,0203 gam ma túy loại Katamine và 1,2261 gam ma túy loại MDMA để sử dụng thì bị lực lượng phòng chống ma túy **Công an huyện B** quả tang vào khoảng 23 giờ 10 phút ngày 05/9/2023, tại Khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 02 chất ma túy có tổng khối lượng 4,2464 gam, trong đó có 3,0203 gam ma túy loại Katamine và 1,2261 gam ma túy loại MDMA nhằm mục đích để sử dụng; khối lượng mỗi chất ma túy bị cáo tàng trữ đều trên mức tối thiểu và đủ định lượng quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng các chất ma túy mà bị cáo đã tàng trữ trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử

và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng N** p“Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này*” theo điểm i (thuộc điểm c, g) khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo có vợ chưa cưới đang có thai 22 tuần 01 ngày tuổi (theo giấy siêu âm và giấy xác nhận của địa phương kèm theo), đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: có bà cố ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có con nhỏ sinh năm 2024; bị cáo được **Ban Chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xã V** hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi **xã V** 2023, được Ban Chỉ huy quân sự huyện B quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ Tiểu đội trưởng đơn vị dự bị động viên. Tuy nhiên xét thấy bị cáo tàng trữ trái phép khối lượng 4,2464 gam ma túy, trong đó có khối lượng 3,0203 gam ma túy loại Katamine và 1,2261 gam ma túy loại MDMA, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, vì vậy kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đối với kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng bị cáo biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện, chính ma túy đã gây tổn hại cho sức khỏe của con người, làm suy giảm giống nòi, suy giảm đạo đức xã hội, gây ra nhiều hệ quả xấu cho xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo là không nghiêm mà hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý bằng hình phạt tù giam, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo nhằm giúp bị cáo từ bỏ chất ma túy để trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, phòng ngừa chung trước thực trạng tệ nạn ma túy đang ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo cũng không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hoàng N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm i (thuộc điểm c, g) khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 01 (một) năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Hoàng N phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri(3b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri(2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri(1b);
- UBND xã V, huyện Ba Tri(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông